TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10
NĂM 2019

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ
PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Hà Nội - Tháng 5/2019

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

1. Thời gian: *7/6/2019.*

2. Địa điểm: Hội trường tầng 4, khu C, tòa nhà Tổng công ty Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

3. Chương trình Đại hội

TT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
I	- Kiểm tra công tác thực hiện đăng kí quyền tham dự Đại hội.	7h 30-:- 8h	Ban tổ chức
II	- Tuyên bố lí do. - Mời đoàn chủ tịch là các Thành viên HĐQT đương nhiệm lên điều hành Đại hội.	8h	Ban tổ chức
III	**Các nội dung trình Đại hội**		
1	Thông qua nội dung, chương trình Đại hội.	8h -:- 8h 05	Đoàn Chủ tịch
2	Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.	8h 05 -:- 8h 10	Đoàn Chủ tịch
3	Chỉ định Ban thư kí; bầu Ban thẩm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu.	8h 10 -:- 8h 15	Đoàn Chủ tịch
4	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.	8h 15 -:- 8h 25	Ban thẩm tra tư cách cổ đông
5	Trình bày các tờ trình, báo cáo:	8h25 -:- 10h	Đoàn Chủ tịch
5.1	*Kế hoạch SXKD năm 2019.*		
5.2	*Báo cáo tài chính 2018 đã kiểm toán.*		
5.3	*Báo cáo của Hội đồng quản trị.*		
5.4	*Báo cáo của Ban kiểm soát.*		
5.5	*Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.*		
5.6	*Quyết toán lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2019.*		
5.7	*Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2019.*		
5.8	*Ủy quyền cho HĐQT phê chuẩn hợp đồng giao, nhận thầu xây lắp.*		
5.9	*Sửa đổi Điều lệ.*		

5.10	*Miễn nhiệm và bầu thay thế 01 thành viên Hội đồng quản trị, 01 thành viên Ban kiểm soát.*		
6	Đại hội thảo luận, bầu và biểu quyết các vấn đề đã nêu.	10h -:- 10h30	Đoàn Chủ tịch
7	Nghỉ giải lao.	10h 30 -:- 11h	Đoàn Chủ tịch
8	Thông qua kết quả kiểm phiếu.	11h -:- 11h 15	Ban kiểm phiếu & Đoàn Chủ tịch
9	Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội.	11h 15 -:- 11h30	Đoàn Chủ tịch
IV	**Bế mạc Đại hội.**	**11h 30**	**Đoàn Chủ tịch**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2019

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ vào Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 10.

Để tổ chức tốt Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10 đã xây dựng Quy chế làm việc của Đại hội, kính đề nghị Đại hội xem xét thông qua, cụ thể như sau:

Điều 1. Đoàn Chủ tịch gồm 05 người là các thành viên trong Hội đồng quản trị đương nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ toạ Đại hội.

Điều 2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch.

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 3. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số cổ phần của các cổ đông sở hữu.

Điều 4. Thư ký đại hội gồm 2 người do Chủ toạ đại hội cử. Thư ký đại hội thực hiện nhiệm vụ dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch và chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch về nhiệm vụ của mình.

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.
- Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

Điều 5. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 2 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban thẩm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Theo Điều lệ Công ty, Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông đến dự họp

đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 6. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 3 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ: hướng dẫn cổ đông bầu và biểu quyết các nội dung của đại hội, tập hợp, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước đại hội.

Điều 7. Cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 10.

Các cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

Trong quá trình diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Khi ra ngoài hội trường phải chấp hành các quy định và theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức.

Cổ đông giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản, quản lý tài liệu, không sao chép ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội.

Điều 8. Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (qua thư ký Đại hội) khi phát biểu hoặc cần thảo luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn chủ tịch nhất trí mới được phát biểu ý kiến. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

Điều 9. Biểu quyết

a) Mỗi cổ đông dự họp được phát 04 phiếu biểu quyết (01 phiếu màu xanh, 03 phiếu màu trắng) tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo nội dung của Đại hội.

b) Quy ước biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết màu xanh số 01 dùng để biểu quyết các nội dung sau đây:

+ Biểu quyết thông qua chương trình của Đại hội.

+ Biểu quyết thông qua quy chế làm việc của Đại hội.

+ Biểu quyết thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

+ Biểu quyết thông qua Ban thư kí Đại hội.

+ Biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu.

+ Biểu quyết thông qua Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội.

+ Các vấn đề khác tại đại hội.

Đại hội biểu quyết từng vấn đề theo sự điều khiển của Đoàn chủ tịch và theo trình tự trong nội dung chương trình Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách biểu

quyết trực tiếp. Trong trường hợp có ý kiến không tán thành hoặc có ý kiến khác với đề nghị của Đoàn chủ tịch, sẽ tiến hành kiểm phiếu và thông báo ngay tại đại hội.

- Phiếu biểu quyết màu trắng số 02 dùng để biểu quyết bằng cách tích ý kiến của mình vào 1 trong 3 ô vuông: tán thành, không tán thành, không có ý kiến gồm các nội dung sau:

+ Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

+ Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán.

+ Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị.

+ Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát.

+ Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.

+ Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2019.

+ Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019.

+ Thông qua ủy quyền phê chuẩn hợp đồng cho HĐQT.

+ Thông qua việc sửa đổi Điều lệ.

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tập hợp phiếu biểu quyết: "tán thành", "không tán thành", "không có ý kiến". Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp báo cáo bằng biên bản kiểm phiếu và được công bố trước Đại hội.

Các vấn đề biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi: đạt tỷ lệ ít nhất 51% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự tán thành, riêng việc sửa đổi Điều lệ phải đạt tỉ lệ ít nhất 65 % số phiếu có quyền biểu quyết tham dự tán thành, các vấn đề phát sinh khác theo tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Phiếu biểu quyết màu trắng số 03 và 04 được dùng để biểu quyết miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

Điều 10. Miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên HĐQT, BKS

- Số lượng thành viên HĐQT cần miễn nhiệm và bầu thay thế: 01 thành viên.

- Số lượng thành viên BKS cần miễn nhiệm và bầu thay thế: 01 thành viên.

- Nhiệm kỳ: thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016-2021.

Việc đề cử, ứng cử và bầu cử được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ tổ chức và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Các cổ đông sử dụng mẫu đơn đề cử đăng tải trên Website Công ty, các ứng viên phải có cam kết kèm theo đơn đề cử.

Việc bầu cử được thực hiện theo phương pháp bầu dồn phiếu. Đại biểu có quyền dồn hết hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Ban kiểm phiếu sẽ hướng dẫn các cổ đông cách thức bầu cụ thể.

Các đại biểu được phát Phiếu biểu quyết số 03 để miễn nhiệm và bầu thành viên HĐQT, Phiếu biểu quyết số 04 để miễn nhiệm và bầu thành viên Ban kiểm soát. Kết quả bầu cử được công bố ngay tại Đại hội sau khi có kết quả kiểm phiếu.

Điều 11. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm quy chế này

thì tuỳ theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Những nội dung chưa được quy định trong quy chế này hoặc phát sinh trong quá trình Đại hội sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Sông Đà 10. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thành công và tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Trần Tuấn Linh

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 519 SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kế hoạch SXKD năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp.

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Căn cứ vào nguồn lực của Công ty và tình hình thực tế, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của công ty mẹ, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua:

I. Thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

- Tình hình kinh tế, chính trị của đất nước ổn định, lãi suất cho vay đang duy trì ở mức trung bình từ 8 - 10%/năm.
- Các lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông, năng lượng tiếp tục được ưu tiên.
- Thị trường xây dựng các đường hầm thủy điện, hầm giao thông vẫn còn rất nhiều tiềm năng.
- Phần lớn giá trị sản lượng kế hoạch năm 2019 của Công ty đã có hợp đồng.

2. Khó khăn

- Công tác thu hồi công nợ của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do Chủ đầu tư thiếu vốn, dẫn đến nguồn vốn cho SXKD bị ảnh hưởng.
- Việc cạnh tranh quyết liệt trong công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm dẫn đến hiệu quả SXKD của Công ty không được cao so với các năm trước.
- Thiết bị thi công của Công ty bị thiếu, số còn lại hầu hết đã hết khấu hao nên áp lực huy động vốn cho công tác đầu tư mới là rất lớn.
- Lực lượng cán bộ công nhân viên đang bị thiếu hụt, việc tuyển dụng gặp nhiều khó khăn đặc biệt là đối với công nhân kỹ thuật.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019
I	**Tổng giá trị SXKD**	10^6 đồng	1.057.000
1	Giá trị xây lắp	10^6 đồng	1.037.000
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10^6 đồng	20.000
II	**Kế hoạch tài chính**	10^6 đồng	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019
1	Doanh thu	10^6 đồng	1.015.900
2	Nộp ngân sách	10^6 đồng	43.780
3	Lợi nhuận trước thuế	10^6 đồng	35.290
4	Lợi nhuận sau thuế	10^6 đồng	28.230
5	Tỷ suất		
	Lợi nhuận cận biên	%	3,5
	Lợi nhuận sau thuế/VĐL (công ty mẹ)	%	6,6
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3,5
6	Vốn chủ sở hữu	10^6 đồng	812.393
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10^6 đồng	427.324
8	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	%	6%
III	**Kế hoạch đầu tư**	10^6 đồng	337.000

(chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Mục tiêu tiến độ các công trình theo hợp đồng năm 2019

- Thủy điện Nam Theun1:

+ Hầm LG1: Kết thúc đổ bê tông vào 10/3/2019, đạt 138md.
+ Hầm LG2: Kết thúc đổ bê tông vào 14/5/2019, đạt 97md.
+ Hầm LAG3: Kết thúc dổ bê tông vào 30/8/2019, đạt 151md.
+ Hầm LG3: Kết thúc đổ bê tông vào 6/6/2019, đạt 151md.
+ Hầm RAG1: Kết thúc đổ bê tông vào 14/10/2019, đạt 210md.
+ Hầm RG1: Kết thúc đổ bê tông vào 23/6/2019, đạt 125md.
+ Hầm RG2: Kết thúc đổ bê tông vào 21/10/2019, đạt 103md.
+ Hầm RG3: Kết thúc đổ bê tông vào 21/11/2019, đạt 103md.

- Thủy điện Xekaman 3: Thi công các hạng mục công trình theo tiến độ và các điều kiện đảm bảo hợp đồng của Chủ đầu tư.

- Các công trình Thượng KonTum, Nam Emoun, Đắc Mi 2: Thi công các hạng mục đảm bảo tiến độ đã ký với chủ đầu tư.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như K/g
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Trần Tuấn Linh

Phụ lục số 01

(kèm theo Tờ trình số 519 SĐ10/HĐQT ngày 21 / 5 /2019 của Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 10)

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019 CỦA CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
A	**Kế hoạch SXKD**			
I	**Tổng giá trị SXKD**	10^6 đồng	1.408.614	1.057.000
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10^6 đồng	1.379.254	1.037.000
2	Giá trị kinh doanh ngoài xây lắp	10^6 đồng	29.360	20.000
3	Kinh doanh điện	10^6 đồng		
II	**Kế hoạch tài chính**	10^6 đồng		
1	Doanh thu	10^6 đồng	1.483.396	1.015.900
2	Nộp nhà nước	10^6 đồng	57.342	43.780
3	Lợi nhuận trước thuế	10^6 đồng	40.858	35.290
4	Lợi nhuận sau thuế	10^6 đồng	32.699	28.230
5	Tỷ suất lợi nhuận	%		
-	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/DT)	%	2,8	3,5
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	7,7	6,6
-	Lợi nhuận sau thuế/VCSH BQ	%	3,9	3,5
6	Vốn chủ sở hữu	10^6 đồng	832.105	812.393
7	Vốn điều lệ	10^6 đồng	427.324	427.324
8	Cổ tức	%		6%
III	**Khối lượng chủ yếu**			
-	Khoan nổ đá hở	m3	278.515	168.456
-	Khoan nổ đá hầm	m3	309.747	134.582
-	Khoan neo các loại	md	96.636	49.546
-	SXLĐ cốt thép các loại	tấn	2.599	1.080
-	Bê tông các loại	m3	55.424	11.390
-	Phun XM các loại	md	70.828	9.865
-	Khoan phun vẩy các loại	m2	119.134	50.679
-	Sản lượng điện kinh doanh	kwh		
B	**Kế hoạch đầu tư**	10^6 đồng	**61.760**	**337.000**
-	Đầu tư thiết bị thi công	10^9 đồng	23,99	285,46
-	Góp vốn vào Dự án La Sơn – Túy Loan	10^9 đồng	37,77	51,53

Phụ lục kèm theo Tờ trình số 519 SĐ10/HĐQT ngày 21 / 5 /2019 của Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 10

CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH, CÔNG VIỆC

TT	Tên công trình và nội dung công việc	Đơn vị	TH năm 2018	Kế hoạch năm 2019
	Công ty mẹ	**10^3 đồng**	**1.408.613.630**	**1.057.000.000**
I	**Giá trị xây lắp**	**10^3 đồng**	**1.379.253.630**	**1.037.000.000**
*	Các công trình đã có hợp đồng	10^3 đồng	1.379.253.630	737.000.000
1	Hầm Mũi Trâu	10^3 đồng	256.998.389	2.021.553
2	Thủy điện Thượng KonTum	10^3 đồng	225.343.480	24.059.232
3	Thủy điện Namthcun Lào	10^3 đồng	224.033.000	60.919.215
4	Thủy điện Xekaman 3	10^3 đồng	126.978.853	190.000.000
5	Thủy điện Nậm Emun	10^3 đồng		300.000.000
6	Thủy điện Đăk Mi 2	10^3 đồng		160.000.000
*	Các công trình dự kiến đấu thầu	10^3 đồng		300.000.000
	Các công trình chưa có HĐ như Sekaman 3 và Đăk mi 2; Các công trình dự kiến tìm kiếm trong năm (Yaly mở rộng, Hòa Bình mở rộng)	10^3 đồng		300.000.000
II	**Giá trị ngoài xây lắp**	**10^3 đồng**	**29.360.000**	**20.000.000**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 404/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 18/03/2019 của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 7 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 34.d "Thông tin liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3", tại ngày 31/12/2018, nợ phải thu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 hiện ghi nhận trên Báo cáo tài chính của Công ty lần lượt là 188.552.542.943 đồng và 11.827.337.000 đồng. Công trình Thủy điện Xekaman 3 đã hoàn thành và đi vào phát điện trong năm 2013 nhưng cho đến thời điểm hiện nay các hạng mục dở dang nêu trên vẫn chưa được các bên nghiệm thu, bù giá; nợ phải thu của Công ty cũng chưa được thanh toán.

Theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng 19/2006/HĐ-SĐ10 về việc thi công xây dựng một số hạng mục công việc tại Công trình Thủy điện Xekaman 3 và các Phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo, Tổng Công ty Sông Đà (bên giao thầu) sẽ thanh toán cho Công ty (bên nhận thầu) ngay sau khi được Chủ đầu tư (Công ty TNHH Điện Xekaman 3) thanh toán. Phương thức và tỷ lệ thanh toán theo quy định trong Hợp đồng ký giữa Tổng Công ty và Chủ đầu tư và các quy định khác liên quan của Tổng Công ty Sông Đà. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản nợ liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 do Tổng Công ty Sông Đà chưa nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư.

2. Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2018 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Lê Vĩnh Hà – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:1216-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.005.207.970.237**	**2.090.113.374.654**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	6	**17.903.717.837**	**17.707.333.898**
1. Tiền	111		17.903.717.837	12.707.333.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.569.962.576.707**	**1.471.043.098.031**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.364.518.386.777	1.266.295.127.680
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	84.204.253.210	76.256.681.356
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	149.236.956.630	157.028.989.081
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(27.997.019.910)	(28.537.700.086)
IV. Hàng tồn kho	**140**	11	**413.858.700.029**	**584.824.772.354**
1. Hàng tồn kho	141		413.858.700.029	584.824.772.354
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.482.975.664**	**16.538.170.371**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.1	332.043.040	3.343.308.675
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.150.932.624	13.194.861.696
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**299.520.994.008**	**286.889.588.269**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**42.000.000**	**4.987.094.119**
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	42.000.000	7.090.284.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(2.103.189.881)
II. Tài sản cố định	**220**		**114.591.291.114**	**114.016.903.446**
Tài sản cố định hữu hình	221	12	114.591.291.114	114.016.903.446
- Nguyên giá	*222*		*723.548.851.916*	*739.013.825.595*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(608.957.560.802)*	*(624.996.922.149)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**190.230.000**	**6.560.453.207**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	190.230.000	6.560.453.207
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	14	**142.363.104.457**	**119.474.132.664**
1. Đầu tư vào công ty con	251		118.357.932.374	118.357.932.374
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.560.000.000	4.560.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		81.793.883.000	45.122.420.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(62.348.710.917)	(48.566.219.710)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**42.334.368.437**	**41.851.004.833**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	42.334.368.437	41.851.004.833
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**2.304.728.964.245**	**2.377.002.962.923**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.472.626.033.655**	**1.520.503.144.471**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.430.367.867.234**	**1.458.242.769.933**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	396.330.388.295	378.391.720.389
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	111.948.795.507	172.996.373.431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	17.862.019.311	19.024.863.875
4. Phải trả người lao động	314		41.797.547.726	57.351.984.065
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	36.097.498.082	35.681.559.860
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	93.028.832.552	85.647.090.796
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.a	729.040.863.460	700.983.189.578
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.261.922.301	8.165.987.939
II. Nợ dài hạn	**330**		**42.258.166.421**	**62.260.374.538**
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	4.292.475.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.b	42.258.166.421	57.967.899.418
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**832.102.930.590**	**856.499.818.452**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**22**	**832.102.930.590**	**856.499.818.452**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*427.323.110.000*	*427.323.110.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	50.066.521.921	50.066.521.921
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	-	21.320.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	288.737.697.097	263.551.799.036
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	65.975.601.572	94.238.387.495
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*33.276.657.272*	*51.278.773.200*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*32.698.944.300*	*42.959.614.295*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**2.304.728.964.245**	**2.377.002.962.923**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Trần Văn Tấn	Nguyễn Trung Kiên	Lê Thị Thanh Nhung

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1.	Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	23	1.491.899.044.077	1.482.196.071.519
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	25.887.229.347	6.511.804.877
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.466.011.814.730	1.475.684.266.642
4.	Giá vốn hàng bán	11	25	1.290.841.385.977	1.336.586.490.849
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ**	**20**		**175.170.428.753**	**139.097.775.793**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	10.372.382.661	8.911.747.439
7.	Chi phí tài chính	22	27	77.228.561.030	48.933.067.909
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*65.528.407.755*	*64.258.407.590*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	70.380.739.322	43.257.557.520
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**37.933.511.062**	**55.818.897.803**
11.	Thu nhập khác	31	29	7.012.488.838	1.248.518.157
12.	Chi phí khác	32	30	4.087.827.354	4.461.154.004
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**2.924.661.484**	**(3.212.635.847)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**40.858.172.546**	**52.606.261.956**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	8.159.228.246	9.646.647.661
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**32.698.944.300**	**42.959.614.295**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Trần Văn Tấn	Nguyễn Trung Kiên	Lê Thị Thanh Nhung

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**40.858.172.546**	**52.606.261.956**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12	23.672.972.690	31.278.911.500
- Các khoản dự phòng	03		11.138.621.150	(62.443.276.464)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.507.713.845)	(9.263.727.313)
- Chi phí lãi vay	06	27	65.528.407.755	64.258.407.590
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		**138.690.460.296**	**76.436.577.269**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(88.188.209.708)	(32.037.222.997)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		177.336.295.532	(11.859.038.941)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(55.844.683.750)	(40.211.137.176)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	15	2.527.902.031	(540.489.945)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	49.956.667.408
- Tiền lãi vay đã trả	14		(65.608.444.334)	(64.117.895.711)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(8.927.882.870)	(14.487.214.707)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.721.124.600)	(10.125.556.485)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		**90.264.312.597**	**(46.985.311.285)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(16.388.136.363)	(61.675.530.751)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		664.385.096	513.636.364
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(37.771.463.000)	(10.599.260.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.100.000.000	42.166.732.400
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9a, 26	885.729.034	1.861.080.772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		**(51.509.485.233)**	**(27.733.341.215)**
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	1.088.154.660.292	1.338.870.927.953
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(1.075.806.719.407)	(1.270.000.892.830)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50.906.384.310)	(42.714.897.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		**(38.558.443.425)**	**26.155.137.623**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		**196.383.939**	**(48.563.514.877)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	17.707.333.898	66.270.848.775
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	**17.903.717.837**	**17.707.333.898**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Trần Văn Tấn	Nguyễn Trung Kiên	Lê Thị Thanh Nhung

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

AAC AUDITING AND ACCOUNTING CO., LTD
AN INDEPENDENT MEMBER OF PRIMEGLOBAL
AUDITING ACCOUNTING AND FINANCE SPECIALITY
Head Office: Lot 78 - 80, April 30th Street, Hai Chau District, Da Nang City
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số:402/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 18/03/2019 của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") đính kèm từ trang 7 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 40 "Thông tin liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 1 và Công trình Thủy điện Xekaman 3", tại ngày 31/12/2018, nợ phải thu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến 02 Công trình Thủy điện Xekaman 1 và Xekaman 3 hiện ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn lần lượt là 304.161.921.012 đồng và 107.237.244.702 đồng. Công trình Thủy điện Xekaman 1 và 3 đã hoàn thành và đi vào phát điện trong năm 2016 và 2013 nhưng cho đến thời điểm

hiện nay các hạng mục dở dang nêu trên vẫn chưa được các bên nghiệm thu, bù giá; nợ phải thu của Tập đoàn cũng chưa được thanh toán.

Theo điều khoản thanh toán của các hợp đồng thi công xây dựng 02 công trình trên và các Phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo, Tổng Công ty Sông Đà (bên giao thầu) sẽ thanh toán cho Công ty (bên nhận thầu) ngay sau khi được Chủ đầu tư (Công ty TNHH Điện Xekaman 1, Công ty TNHH Điện Xekaman 3) thanh toán. Phương thức và tỷ lệ thanh toán theo quy định trong Hợp đồng ký giữa Tổng Công ty và Chủ đầu tư và các quy định khác liên quan của Tổng Công ty Sông Đà. Cho đến thời điểm hiện nay, Tập đoàn vẫn chưa được thu hồi được khoản nợ liên quan đến 02 công trình thủy điện nêu trên do Tổng Công ty Sông Đà chưa nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc	**Lê Vĩnh Hà – Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1	*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1216-2018-010-1*

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.290.411.058.348**	**2.438.574.072.879**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	6	**21.986.698.382**	**19.467.063.608**
1. Tiền	111		21.986.698.382	14.467.063.608
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.692.950.908.822**	**1.602.731.394.838**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.420.529.555.781	1.321.177.780.015
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	74.551.435.933	87.846.995.574
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	39.481.148.173	39.481.148.173
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10a	177.030.442.864	183.331.173.545
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(28.565.022.293)	(29.105.702.469)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	12	9.923.348.364	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**563.491.464.585**	**792.562.404.249**
1. Hàng tồn kho	141	13	563.491.464.585	792.562.404.249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**11.981.986.559**	**23.813.210.184**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	407.315.040	3.881.855.352
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.174.671.519	19.531.354.832
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	400.000.000	400.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**777.441.102.545**	**732.278.868.734**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**107.000.000**	**2.923.904.238**
1. Phải thu dài hạn khác	216	10b	107.000.000	7.130.284.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(4.206.379.762)
II. Tài sản cố định	**220**		**641.031.471.385**	**619.952.427.337**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	641.031.471.385	619.952.427.337
- Nguyên giá	*222*		*1.506.561.486.365*	*1.486.998.980.281*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(865.530.014.980)*	*(867.046.552.944)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**190.230.000**	**6.560.453.207**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	190.230.000	6.560.453.207
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**90.843.606.762**	**57.207.615.374**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.409.552.807	12.445.024.419
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	81.793.883.000	45.122.420.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.359.829.045)	(359.829.045)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**45.268.794.398**	**45.634.468.578**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	42.837.004.803	42.279.845.743
2. Lợi thế thương mại	269		2.431.789.595	3.354.622.835
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**3.067.852.160.893**	**3.170.852.941.613**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**2.144.522.939.939**	**2.194.483.693.611**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.791.817.031.143**	**1.802.889.684.094**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	417.790.263.332	397.027.192.957
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	128.302.859.433	181.460.008.729
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	29.671.837.577	30.886.983.820
4.	Phải trả người lao động	314		48.277.308.889	81.514.224.562
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	51.079.008.585	52.270.816.354
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	22	148.533.644.269	127.191.199.143
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23a	963.070.462.447	924.110.910.053
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.091.646.611	8.428.348.476
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**352.705.908.796**	**391.594.009.517**
1.	Phải trả dài hạn khác	337		-	2.189.285.239
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23b	340.908.132.422	379.763.446.145
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		11.797.776.374	9.641.278.133
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**923.329.220.954**	**976.369.248.002**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**923.329.220.954**	**976.369.248.002**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	427.323.110.000	427.323.110.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*427.323.110.000*	*427.323.110.000*
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	24	50.066.521.921	50.066.521.921
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	24	3.901.000.000	25.221.000.000
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418	24	396.334.477.252	370.491.844.097
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	40.214.040.588	89.362.812.893
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*25.402.012.816*	*54.246.720.324*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*14.812.027.772*	*35.116.092.569*
6.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.490.071.193	13.903.959.091
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**3.067.852.160.893**	**3.170.852.941.613**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Trần Văn Tấn	Nguyễn Trung Kiên	Lê Thị Thanh Nhung

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1.	Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	26	1.532.093.228.940	1.526.379.610.224
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	25.887.229.347	6.511.804.877
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		1.506.205.999.593	1.519.867.805.347
4.	Giá vốn hàng bán	11	28	1.300.244.551.281	1.331.630.397.974
5.	**Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ**	**20**		**205.961.448.312**	**188.237.407.373**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	15.579.748.551	6.031.662.527
7.	Chi phí tài chính	22	30	120.964.443.231	93.775.000.328
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*121.657.337.031*	*119.714.116.161*
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết	24		(35.471.612)	(458.646.989)
9.	Chi phí bán hàng	25		-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	84.759.422.326	65.129.223.867
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**15.781.859.694**	**34.906.198.716**
12.	Thu nhập khác	31	32	7.650.075.568	11.418.064.349
13.	Chi phí khác	32	32	5.099.210.256	6.446.377.467
14.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**2.550.865.312**	**4.971.686.882**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	33	**18.332.725.006**	**39.877.885.598**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	8.159.228.246	11.560.870.375
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.156.498.241	2.216.430.147
18.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**	33	**8.016.998.519**	**26.100.585.076**
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		14.812.027.772	35.116.092.569
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soá	62		(6.795.029.253)	(9.015.507.493)
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	347	822
20.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	347	822

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Trần Văn Tấn	Nguyễn Trung Kiên	Lê Thị Thanh Nhung

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**18.332.725.006**	**39.877.885.598**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	15	59.492.263.476	61.342.098.957
- Các khoản dự phòng	03		(1.747.059.938)	(73.525.427.201)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	29, 33	(8.063.041.208)	(15.252.714.912)
- Chi phí lãi vay	06	30	121.657.337.031	119.714.116.161
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		**189.672.224.367**	**132.155.958.603**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(94.380.238.545)	(66.370.217.000)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		235.441.162.871	(59.610.069.450)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(72.555.122.886)	(4.783.190.601)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.917.381.252	(881.946.854)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	49.956.667.408
- Tiền lãi vay đã trả	14		(97.590.737.130)	(106.350.774.863)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(8.927.882.870)	(17.809.001.596)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	745.100.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.319.944.600)	(14.086.756.485)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		**144.256.842.459**	**(87.034.230.838)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(56.231.841.301)	(74.044.678.024)
2. Tiền thu từ TLý, nh.bán TSCĐ và các TS DH khác	22		1.047.818.181	13.512.118.364
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(37.771.463.000)	(10.599.260.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.100.000.000	42.166.732.400
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		920.424.074	1.878.465.886
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		**(90.935.062.046)**	**(27.086.621.374)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	23	1.220.793.439.274	1.609.865.002.071
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(1.220.689.200.603)	(1.504.555.754.677)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50.906.384.310)	(42.714.897.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		**(50.802.145.639)**	**62.594.349.894**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		**2.519.634.774**	**(51.526.502.318)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.467.063.608	70.993.565.926
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		**21.986.698.382**	**19.467.063.608**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Trần Văn Tấn	Nguyễn Trung Kiên	Lê Thị Thanh Nhung

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 520 SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông báo cáo gồm các phần sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của công ty mẹ;
- Hoạt động của Hội đồng quản trị;

I. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

- Tổng giá trị SXKD: **1.408,614/1.286** tỷ đồng, đạt 109,53% KH năm.
- Doanh số: **1.584,186/1.346,499** tỷ đồng, đạt 117,65% KH năm.
- Doanh thu: **1.483,396/1.254,605** tỷ đồng, đạt 118,23% KH năm.
- Nộp nhà nước: **57,342/68,135** tỷ đồng, đạt 84,16% KH năm.
- Lợi nhuận trước thuế: **40,858/52,308** tỷ đồng, đạt 78,11% KH năm.
- Thu nhập bình quân: **12,4/12** triệu đồng/người/tháng, đạt 103% KH năm.
- Mục tiêu tiến độ các công trình: về cơ bản Công ty đạt được các mục tiêu tiến độ theo yêu cầu của các hợp đồng đã ký kết.

2. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018

Trong năm 2018, mặc dù Sản lượng và Doanh số vượt kế hoạch nhưng chỉ tiêu Lợi nhuận lại không đạt kế hoạch. Nguyên nhân chính như sau:

– Trong năm 2018 hầu hết các công trình đơn vị thực hiện đều dưới hình thức đấu thầu nên giá cả cạnh tranh dẫn tới lợi nhuận không cao.

– Một số công trình bị giảm doanh thu theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước như: thủy điện Lai Châu, thủy điện Nậm Chiến, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi... đã ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện.

– Thu hồi vốn chậm do tại nhiều công trình chủ đầu tư thiếu vốn dẫn đến lãi vay tăng cao.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018.

Trong năm qua tập thể Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên đã bám sát những mục tiêu, nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để chỉ đạo và giám sát các mặt hoạt động SXKD quan trọng của Công ty như sau:

a. Công tác tổ chức

– Xây dựng lại Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cho phù hợp với quy định mới của pháp luật.

– Tự tổ chức đào tạo nghề khoan nổ mìn cho công nhân kỹ thuật.

- Được các cơ quan quản lý cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của Công ty.

- Hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi tiêu chuẩn hệ thống chất lượng ISO 9001:2008 thành ISO 9001:2015.

b. Công tác đầu tư

Trong năm 2018, Công ty đầu tư **61,76** tỷ đồng (trong đó: đầu tư thiết bị **23,990** tỷ đồng, góp vốn vào dự án La Sơn – Túy Loan là **37,77** tỷ đồng).

Trong các năm gần đây việc đầu tư bổ sung thiết bị không nhiều. Do vậy lực lượng thiết bị hiện nay không đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu công việc khi có thêm các công trình mới mở ra như: Nam Emoun, Đắc Mi2 ....

Để kịp thời đáp ứng tiến độ và chất lượng các công trình theo các hợp đồng đã ký kết, trong năm 2019 Công ty cần phải kịp thời đầu tư thiết bị phục vụ thi công.

c. Công tác thị trường

Công tác thị trường luôn được chú trọng và đã đạt được kết quả khả quan, đảm bảo đủ việc làm cho Công ty trong năm 2019 và một số năm tiếp theo:

- Ký hợp đồng thầu phụ với TCT Sông Đà nhận thầu thi công một số hạng mục tại Dự án thủy điện NamTheu1, gồm: Hầm hành lang khoan phun, kênh xả nhà máy, hố móng lòng sông với giá trị khoảng 90 tỷ đồng.

- Ký hợp đồng thầu phụ với Công ty CP Sông Đà 5 nhận thầu thi công các hạng mục hầm của Dự án thủy điện Nam E Moun (Lào) với giá trị khoảng 1.100 tỷ đồng

- Ngay đầu năm 2019, Công ty cũng đã ký hợp đồng nhận thầu một số hạng mục thuộc Dự án thủy điện ĐắcMi2 (Quảng Nam) với giá trị 436 tỷ đồng.

d. Công tác kinh tế, kế hoạch

Công ty luôn tuân thủ việc xây dựng kế hoạch tháng, quý để bộ phận điều hành làm căn cứ thực hiện. Đồng thời việc kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch SXKD cũng được thực hiện hằng quý và tháng.

e. Công tác kỹ thuật

- Kiểm điểm công tác thu hồi vốn hàng tuần với từng đơn vị qua hình thức họp trực tuyến.

- Thực hiện và kiểm soát tốt công tác lập tiến độ thi công theo định kỳ tháng, quí, năm.

- Luôn bám sát, theo dõi thường xuyên tiến độ thi công. Các khối lượng thi công hoàn thành được theo dõi theo từng tuần, tháng, quý, năm.

f. Công tác tài chính- kế toán

- Chủ động trong công tác thu hồi công nợ với các khách hàng đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh toàn công ty năm 2018; hoàn thành công tác thoái vốn tại Công ty TNHH Khoáng sản Thiên Trường, Công ty CP ĐT PT khu kinh tế Hải Hà.

- Cân đối, thu xếp vốn phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty. Đã làm việc với các tổ chức tín dụng để giảm hoặc giữ nguyên mức lãi suất đang áp dụng và điều chỉnh thời gian vay từ 8,5 tháng lên 10 tháng cho phù hợp với công tác thu hồi vốn.

- Phân tích hoạt động SXKD tại các đơn vị. Tăng cường công tác hạch toán kinh doanh, quản lý chi phí theo mô hình quản lý mới.

- Tuy nhiên về công tác tài chính vẫn còn một số tồn tại:

+ Công nợ phải thu còn lớn, thu hồi vốn chậm do chủ đầu tư thiếu vốn như: Nậm Chiến, Nậm Ly, NamTheun, Xekaman 3,... bị chậm, gây ứ đọng vốn.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp còn cao.

+ Việc bố trí nguồn tiền trả nợ vật tư cho một số công trình có những thời điểm còn chậm, ảnh hưởng đến sản xuất.

g. Công tác vật tư - cơ giới

- Công tác sửa chữa thường xuyên được quan tâm. Đội sửa chữa Công ty thường xuyên đến các công trình hỗ trợ các đơn vị sửa chữa xe máy. Tuy nhiên, lực lượng quản lý cơ giới tại các đơn vị mỏng, thợ sửa chữa ít và dàn trải các công trình.

- Việc đầu tư thiết bị chưa kịp thời, không đủ để đáp ứng cho các công trình hiện đang triển khai.

2. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

a. Lương, thù lao của Hội đồng quản trị

- Tổng tiền lương, thù lao: **1.004.000.000 đồng**. Các mức cụ thể:

+Lương Chủ tịch HĐQT: 45.000.000 đồng/tháng.

+Lương Phó Chủ tịch HĐQT: 38.000.000 đồng/tháng.

+Thù lao Thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/người/tháng.

- Số đã chi trả: **380.000.000** đồng.

- Số chưa chi: **624.000.000** đồng.

b. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, chi phí cho các hoạt động chung của Hội đồng quản trị gồm các chi phí văn phòng, phương tiện đi lại phục vụ cho các hoạt động của Hội đồng quản trị. Các chi phí này được tính vào chi phí của Công ty theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty không cấp thêm bất kì một khoản kinh phí nào khác cho Hội đồng quản trị cũng như từng thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ.

3. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp toàn thể 9 lần, các vấn đề khác Hội đồng quản trị xin ý kiến các thành viên bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị đều tham gia đầy đủ các cuộc họp và thể hiện trách nhiệm cao đối với vai trò của mình.

Các cuộc họp được tiến hành đúng trình tự và thủ tục, sau mỗi cuộc họp Hội đồng quản trị đều ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng giám đốc tổ chức thực hiện đồng thời Công ty cũng gửi các Nghị quyết và Quyết định đã ban hành cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng lên Website của Công ty theo các qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành 86 Nghị quyết và Quyết định để chỉ đạo công tác quản lý Công ty. Danh sách các nghị quyết, quyết định cũng đã được Công ty công bố trong Báo cáo quản trị theo quy định về công bố thông tin bằng cách gửi Ủy ban chứng khoán, Sở GDCK Hà Nội, đăng lên Website.

4. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc. Hằng quý đều tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh quý và kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý trước. Yêu cầu Tổng giám đốc trình duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, sau khi được phê duyệt mới triển khai thực hiện.

Đã phối hợp với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra định kỳ kết quả sản xuất kinh doanh và việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

III. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019

Ngoài việc chỉ đạo Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019, Hội đồng quản trị còn tập trung chỉ đạo các mặt công tác sau:

a. Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, đào tạo, tuyển dụng

- Sắp xếp lại công tác tổ chức, công tác cán bộ thuộc bộ máy gián tiếp và thực hiện sắp xếp lại quy mô các đội sản xuất tại các đơn vị trực thuộc để nâng cao hiệu suất làm việc.
- Sắp xếp công ty con - Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 10.1 cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.
- Thoái vốn đầu tư không hiệu quả tại một số công ty con, liên kết như: Công ty cổ phần thủy điện Nậm He, Công ty CP Sông Đà – Đất Vàng...

b. Công tác kỹ thuật, an toàn, lao động

- Lập và kiểm soát chặt chẽ tiến độ thi công đảm bảo hoàn thành 100% các mục tiêu tiến độ.
- Giải quyết dứt điểm việc chậm trễ trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu thanh toán. Đảm bảo công tác nghiệm thu thanh khối lượng không chậm hơn 1 tháng kể từ ngày hoàn thành công việc.
- Kiểm soát chặt chẽ, chính xác công tác quản lý khối lượng tại các công trình.

c. Công tác kinh tế, kế hoạch

- Tiếp tục làm việc với Bộ GTVT trong công tác quyết toán Hầm Cổ Mã và Hầm Đèo Cả. Dự kiến hoàn thành trong Quý II năm 2019.
- Thực hiện việc kiểm tra, so sánh chi phí thực tế với định mức nội bộ để đánh giá phân tích hoạt động SXKD của các đơn vị.
- Giải quyết các tồn tại vướng mắc về hồ sơ thanh, quyết toán tại các công trình đã hoàn thành nhằm đẩy nhanh công tác quyết toán và thu hồi công nợ.
- Tìm biện pháp tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí một cách hợp lý và khoa học để hiệu chỉnh lại bộ định mức nội bộ phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo tiền lương cho người lao động.

d. Công tác thị trường

Tiếp tục tham gia tiếp thị, đấu thầu các dự án mới thuộc các lĩnh vực: giao thông, thủy điện và công nghiệp. Dự kiến năm 2019, Công ty sẽ phải ký được các hợp đồng với giá trị khoảng 1.000 - 1.200 tỷ đồng.

e. Công tác tài chính, kế toán

- Tập trung thu hồi vốn và công nợ các công trình; phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty Sông Đà và Công ty CP thủy điện Nậm Chiến để thu hồi phần công nợ tại Công ty CP thủy điện Nậm Chiến, cũng như các công ty có vốn góp của Tổng công ty Sông Đà.
- Xây dựng kế hoạch và biện pháp chi tiết để tập trung thu hồi vốn, thu hồi công nợ nhất là công nợ khó đòi, tồn động đã nhiều năm.
- Tăng cường công tác quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp, thực hành tiết kiệm.

f. Công tác vật tư - cơ giới

- Kịp thời đầu tư bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của các công trình đang triển khai (Nam Emoun, ĐắcMi2 ...).

- Kiểm soát chặt chẽ công tác sửa chữa xe máy thiết bị, xem xét kỹ tính hiệu quả trước khí sửa chữa.

g. Công tác kiểm tra, kiểm soát

- Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra, kiểm soát việc ra Nghị quyết và thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các quy chế, quy định và Điều lệ hoạt động của Công ty.

- Chỉ đạo bộ phận Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro thực hiện việc kiểm soát toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10 về tình hình quản trị công ty, thực hiện nhiệm vụ trong năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5900189357 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10 - Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Trần Tuấn Linh

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /SĐ10-BKS

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2019.

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty CP Sông Đà 10.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 10 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 kết quả hoạt động của Ban trong năm 2018 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018:

Năm 2018, BKS đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban.

BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty thường xuyên và kiểm tra trực tiếp được tiến hành định kỳ một năm hai lần, kết quả cụ thể như sau:

- Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh của công ty do Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc, các phòng chức năng của công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; xem xét các Tờ trình của Tổng giám đốc, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT Công ty khi được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp;

- Xem xét kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư, công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế; Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;

- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2018;

- BKS được cung cấp thông tin về các Quyết định của HĐQT, trên cơ sở đó kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định trên;

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty; báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán AAC;

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao phó.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2018:

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành do HĐQT, Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng của Công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018:

1.1. Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.286	1.408	109,5%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.254	1.483	118,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52,3	40,8	78,11%
4	Tỷ suất LN/DT	%	4,17	2,75	66%
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	807,05	832,1	103,1%
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	9,9	7,65	77,2%
7	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,5	3,93	71,4%
8	Thu nhập bình quân CBCNV	(tr đồng/ người/ tháng)	11,5	12,4	105,8%

1.2. Kết quả kinh doanh:

Năm 2018, giá trị SXKD và doanh thu của Công ty vượt kế hoạch đề ra, trong đó, sản lượng vượt 9,5% doanh thu vượt 18,2%, nhưng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 78,11%.

Nguyên nhân lợi nhuận không đạt kế hoạch là do:

+ Tỉ lệ Giá thành/Doanh thu đã tăng 3% so với kế hoạch, tương ứng khoảng 35 tỷ đồng,

+ Lãi vay vượt kế hoạch 9%, chi phí quản lý vượt 2%; tuy nhiên, nếu so sánh tốc độ tăng của sản lượng và doanh thu lần lượt là 9,5% và 18,2% thì lãi vay và CPQL không có tác động làm giảm lợi nhuận thực hiện năm 2018 so với kế hoạch,

+ Trong năm 2018 các công trình ghi nhận kết quả lỗ, Nậm chiến 11,1 tỷ đồng, Sử Pán 1 lỗ 18,54 tỷ đồng, Trạm Tấu lỗ 5,83 tỷ đồng. Các Xí nghiệp báo lỗ gồm: Xí nghiệp 10.3 lỗ 13,32 tỷ, Xí nghiệp 10.7 lỗ 15,10 đồng. Công ty TNHHMTV 10.1 lỗ 15,016 tỷ.

Như vậy, nguyên nhân chủ yếu làm giảm LN là do chi phí sản xuất thực tế đã tăng và đơn giá đầu thu ngày càng cạnh tranh, điều này làm cho tỉ lệ giá thành/doanh thu tăng, dẫn đến lãi thô hoạt động xây lắp giảm. Bên cạnh đó, một số công trình đã hoàn thành từ trước vẫn còn bị cắt giảm dầu thu khi quyết toán là TĐ Lai Châu, TD Nậm Chiến, hầm cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi. Tuy vậy, công trình TĐ Sử Pán 1 (Lào Cai) là công trình đấu thầu, đang thi công nhưng bị lỗ tới 18,54 tỷ cần thiết phải có báo cáo đánh giá phân tích nguyên nhân.

1.3. Vấn đề thoái vốn và góp vốn đầu tư

*) Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện thoái vốn khoản đầu tư vào Công ty CP ĐTPT khu KT Hải Hà số tiền là 1,1 tỷ đồng; đồng thời Công ty đã tăng giá trị khoản góp vốn tại Công ty TNHH đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan 37,8 tỷ đồng, tổng vốn góp lũy kế vào Công ty này đến thời điểm 31/12/2018 là 67,8 tỷ đồng.

*) Tại thời điểm 31/12/2018, trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư là 62,348 tỷ đồng, trong đó:

+ Tăng thêm khoản trích lập dự phòng vào kết quả kinh doanh tại CTCP thuỷ điện Nậm He là 10,782 tỷ đồng, nâng tổng số dự phòng cho khoản đầu tư này lên 59,988 tỷ đồng (Kết quả kinh doanh tại Nậm He với số lỗ là 15,967 tỷ đồng; lỗ luỹ kế là 102,687 tỷ đồng);

+ Trích lập dự phòng 100% giá trị đầu tư và CTCP Cao su Phú Riềng Kratie là 3 tỷ đồng.

1.4. Về công tác kế toán và báo cáo tài chính năm 2018:

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý. Các báo cáo tài chính cũng được công bố kịp thời theo qui định hiện hành đối với công ty niêm yết. Tuy vậy, qua xem xét sổ sách hạch toán, BKS nhận thấy việc hạch toán kế toán đối với vật tư thi công CT Trạm Tấu đội của công trình chưa phù hợp với quy định của Kế toán.

- Về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban kiểm soát nhận thấy có những rủi ro tiềm tàng xuất hiện trong năm 2018, nhưng do chính sách kế toán nên không được ghi nhận vào kết quả kinh doanh 2018, cụ thể như sau:

1) Rủi to tài chính, rủi ro thanh khoản của Công ty TNHH MTV 10.1.
2) Theo báo cáo lợi nhuận sau thuế là 32,698 tỷ đồng, số này chưa bao gồm tính toán số lãi vay vượt theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP quản lý thuế đối với DN có giao dịch liên kết. Thuế TNDN phải nộp của phần lãi vay vượt là 7,9 tỷ đồng.
3) Việc thu hồi tiền đặt cọc tại Công ty CP Đầu tư Hải Thạch để mua cổ phần Công ty cổ phần Đèo Cả, mặc dù hợp đồng đã được thanh lý nhưng đã một năm trôi qua, Công ty vẫn chưa thu hồi được.
4) Khoản đầu tư vào BT Cam Lộ Túy Loan tiềm ẩn rủi ro không đạt lợi nhuận kỳ vọng do việc giải phóng mặt bằng bị chậm, dẫn đến thời gian thi công bị kéo dài trong khi mốc thời gian thu hồi khoản vay gốc không được điều chỉnh theo tiến độ hoàn thành thực tế.
5) Rủi ro về công nợ phải thu 63 tỷ của Thủy điện Trạm Tấu do thời gian phát điện không kịp tiến độ, hiện tại đang phải xử lý sự cố.

- Ngoài những vấn đề nêu trên, BKS đồng ý với báo cáo của HĐQT; Tổng Giám đốc và Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

- *Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018:*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	01/01/2018
1	**Tổng tài sản**	**2.304.728.964.245**	**2.377.002.962.923**
	- Tài sản ngắn hạn	2.005.207.970.237	2.090.113.374.654
	- Tài sản dài hạn	299.520.994.008	286.889.588.269
2	**Nguồn vốn**	**2.304.728.964.245**	**2.377.002.962.923**
	- Nợ phải trả	1.472.626.033.655	1.520.503.144.471
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	832.102.930.590	856.499.818.452

Các chỉ tiêu tài chính năm 2018:

TT	Các chỉ số	Năm 2017	Năm 2018
1	**Bố trí cơ cấu vốn**		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,64 lần	0,63 lần
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,77 lần	1,76 lần
	Nợ vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,89 lần	0,87 lần
2	**Khả năng thanh toán**		
	Khả năng thanh toán tổng quát	1,56 lần	1,56 lần
	Khả năng thanh toán hiện hành	1,43 lần	1,40 lần
	Khả năng thanh toán nhanh	1,02 lần	1,11 lần
3	**Hiệu suất sử dụng vốn**		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	2,96 %	2,19%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,81 %	1,42%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	10,09 %	7,65%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	5,03 %	3,93%

So sánh các chỉ tiêu năm 2018 với năm 2017, các chỉ tiêu về bố trí cơ cấu tài sản – nguồn vốn có điều chỉnh nhẹ không đáng kể.

Về khả năng thanh toán: các chỉ tiêu về khả năng thanh toán cũng có giảm nhẹ, nhưng đây là số liệu tính toán về mặt lý thuyết, còn trong thực tế nợ phải thu có thời hạn quá 1 năm hơn 800 tỷ đồng, nếu loại trừ khi tính toán khả năng thanh toán nhanh thì chỉ số sẽ là < 1. Hay nói cách khác khả năng thanh toán thực tế của Công ty thấp hơn nhiều so với cách tính về mặt lý thuyết.

Về các chỉ tiêu hiệu quả: Các chỉ số về hiệu quả sử dụng vốn vẫn đang trên đà suy giảm trong suốt 2 năm gần đây, đặc biệt là tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu.

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

2.1. Những mặt đã làm được:

* *Hội đồng quản trị:*

- Về cơ cấu tổ chức: đã thay đổi người đại diện phần vốn tại Công ty CP thủy điện Nậm He, Công ty TNHH MTV 10.1, Công ty CP Sông Đà 10.9.

- HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời và linh hoạt. Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và nắm bắt tình hình các mặt hoạt động của doanh nghiệp và đưa ra định hướng giải quyết các vấn đề phát sinh.

- Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và thẩm quyền của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty;

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông đã phản ánh đúng thực tế.

- Công tác phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT không có vấn đề gì nổi cộm, các ý kiến của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT kịp thời, nhanh chóng, ngay sau khi BKS xét thấy cần thiết.

* *Tổng Giám đốc:*

- Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế đảm bảo theo đúng pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ Công ty và quy chế quản lý hợp đồng của Công ty; không để xảy ra các sai phạm trong công tác đàm phán thương thảo và thực hiện hợp đồng kinh tế;

- Công tác quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Vấn đề tìm kiếm việc làm được quan tâm, nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mặc dù rất khó khăn nhưng cũng đã được đảm bảo. Các khoản vay được Công ty sử dụng đúng mục đích và được hoàn trả đúng hạn, không có nợ quá hạn.

- Công tác đầu tư được triển khai theo đúng quy định bao gồm từ công tác lập, trình duyệt dự án, kế hoạch đấu thầu dự án, hồ sơ mời thầu đảm bảo rõ ràng, minh bạch; các gói thầu được xét thầu theo đúng quy định.

2.2. Một số hạn chế:

- Cơ cấu tổ chức của công ty chưa phù hợp với điều kiện hiện tại, mô hình thí điểm đội xây dựng đã hai năm chưa được tổng kết, đánh giá, hiệu quả hoạt động của các xí nghiệp không đồng đều, có xí nghiệp đã lỗ tới 2 năm liền nhưng ban lãnh đạo công ty vẫn chưa có động thái khắc phục.

- Việc thanh toán tiền lương cho người lao động bị trễ hạn quá nhiều so với quy định của Luật Lao động, có những thời điểm chậm trả lương lên tới 4 tháng, điều đó ít nhiều đã gây ảnh hưởng đến năng suất và tinh thần làm việc của người lao động;

- Công tác tài chính kế toán chưa đáp ứng được các yêu cầu về quản trị Công ty; trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán chưa được nâng cao và cập

nhật thường xuyên, liên tục đặc biệt là các vấn đề về thuế. Phần mềm kế toán cũ kỹ, lạc hậu, không tích hợp các tính năng phân tích và tổng hợp thông tin tài chính phục vụ cho công tác quản trị điều hành.

- Công tác quản lý cơ giới chưa sát sao, bộ phận quản lý cơ giới hoạt động chưa hiệu quả, chưa tương xứng với quy mô máy móc thiết bị của Công ty, chưa đáp ứng được các yêu cầu về quản lý. Hàng năm không có đánh giá hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị, không có số liệu thống kê về số ca máy hoạt động trong năm.

- Công tác kinh tế - kế hoạch chưa sắc sảo nhạy bén, số liệu kế hoạch không sát với thực tế, đặc biệt là kế hoạch giá thành thường xuyên bị trượt xa so với thực tế trong suốt nhiều năm. Bộ phận kinh tế chưa có sự phối hợp nhịp nhàng với bộ phận tài chính kế toán trong vấn đề lập kế hoạch giá thành và quản lý giá thành.

- Các dự án đầu tư hầu hết chưa được quyết toán và không có báo cáo đánh giá hiệu quả sau đầu tư. Các khoản dầu tư, góp vốn của Công ty chưa được xem xét đánh giá rủi ro hàng năm;

- Chưa khai thác lợi thế về công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, không có phần mềm quản lý văn bản, công văn phát hành đến các đối tượng liên quan bị bỏ sót.

- Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro chưa phát huy hết năng lực cán bộ, chưa được Ban lãnh đạo công ty chú trọng phát triển nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

- Người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác không được Công ty ký hợp đồng dại diện vốn, không có báo cáo tổng hợp về tình hình hoạt động của các đơn vị được giao dại diện.

- Mô hình tổ chức của công ty dã trở nên bất cập không còn phù hợp với tình hình mới; Công tác thí điểm mô hình tổ chức Đội xây lắp công trình đã qua 2 năm nhưng chưa được tổng kết, đánh giá hiệu quả;

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

- BKS nhất trí với Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 của HDQT;

- BKS nhất trí với kế hoạch và các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty trong năm 2019;

- Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT thực hiện quyết toán tổng quỹ lương người lao động năm 2018 và lập kế hoạch tổng quỹ lương của người lao động năm 2019 theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐ-TB&XH về thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Đề nghị HĐQT có biện pháp xử lý trách nhiệm cá nhân của Công ty TNHH MTV 10.1 đối với các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản phải trả ghi âm trên sổ kế toán;

- Đề nghị HĐQT có phương án thoái vốn tại Công ty CP Sông Đà 10.9.

- Giám sát chặt các khoản đầu tư vào đơn vị khác và định kỳ có báo cáo đánh giá rủi ro đầu tư để có hướng xử lý kịp thời.

- Khẩn trương thu hồi khoản tiền đặt cọc 35 tỷ vào Công ty CPĐT Hải Thạch BOT.

- Có biện pháp cứng rắn để thu hồi khoản cho vay Công ty CP TĐ Việt Lào;

- Có báo cáo đánh giá phân tích rủi ro về khả năng thu hồi công nợ tại Thủy điện Trạm Tấu để giảm thiểu rủi ro tài chính;

- Phân tích rõ nguyên nhân lỗ lớn của hoạt động xây lắp tại công trình Thủy điện Sử Pán 1 (Lào Cai);

- Tổ chức công tác quản lý vật tư tại các đội công trình theo đúng quy định;

- Cân đối dòng tiền đảm bảo thanh toán tiền lương và chế độ cho người lao động; nộp đủ, đúng hạn các khoản nộp ngân sách tránh để bị phạt như năm 2017 và 2018.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2019

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghệp.

- Triển khai định kỳ công tác thẩm định báo cáo báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo năm;

- Tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ công ty của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc và các phòng ban chức năng trong Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các quyết định của HDQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Rà soát và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với thực trạng SXKD và những thay đổi của pháp luật chuyên ngành liên quan;

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD, hoạt động của BKS năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Các cổ đông (B/c);
- HĐQT, TGĐ, TV BKS;
- Ban Kiểm soát (lưu).

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phạm Thị Thanh Loan

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 521 SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	7.637.270.672
2	LNST năm 2018 của công ty mẹ	32.698.944.300
3	LNST năm 2018 chưa phân phối trên báo cáo hợp nhất	14.812.027.772
4	Lợi nhuận phân phối năm 2018 (1+3)	22.449.298.444
5	Thù lao của Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành SXKD tại đơn vị	48.000.000
6	Trích lập các quỹ	3.200.000.000
-	*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*	*3.200.000.000*
7	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2018	17.092.924.400
8	Vốn điều lệ	427.323.110.000
9	Tỷ lệ chia trả cổ tức bằng tiền	4%
10	Lợi nhuận để lại (1+2-5-6-7)	19.995.290.572

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5900189357 - C.T.C.P. - CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10 - Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Trần Tuấn Linh

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 522 SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo việc chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 như sau:

1. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018

- Tổng tiền lương, thù lao được phép chi: **1.376.000.000** đồng.

+Lương Chủ tịch HĐQT: 45.000.000 đồng/tháng.

+Lương Phó Chủ tịch HĐQT: 38.000.000 đồng/tháng.

+Lương Trưởng Ban kiểm soát: 23.000.000 đồng/tháng.

+Thù lao Thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/người/tháng.

+Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng.

- Số đã chi trả: **519.200.000** đồng.
- Số chưa chi: **856.800.000** đồng.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2019

Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Lương (đồng/tháng)	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	45.000.000	
2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		9.000.000
3	Phó chủ tịch HĐQT chuyên trách	38.000.000	
4	Phó Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		7.000.000
5	Thành viên HĐQT chuyên trách	32.000.000	
6	Thành viên HĐQT không chuyên trách		6.000.000
7	Trưởng Ban kiểm soát	26.000.000	
8	Thành viên Ban kiểm soát		4.000.000

– Tiền lương, thù lao được quyết toán theo quy định của Thông tư số 28/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

– Tạm ứng tiền lương: Chủ tịch HĐQT: 30.000.000 đồng/tháng; Phó Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT chuyên trách: 25.000.000 đồng/tháng; Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 20.000.000 đồng/tháng; Tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được tạm ứng hằng quý bằng 70% kế hoạch. Tiền lương, thù lao được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

– Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2019.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Trần Tuấn Linh

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 523 SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào Quyết định số 2155/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính về việc công bố danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019.

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam.
- Phí kiểm toán: **160.000.000** đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
-Như trên
-Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Trần Tuấn Linh

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 524 SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc ủy quyền cho HĐQT chấp thuận hợp đồng, giao dịch cần có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Công ty cổ phần Sông Đà 10 là đơn vị chuyên thi công tại các dự án lớn, trọng điểm ở trong và ngoài nước. Các gói thầu do Công ty thực hiện thường có giá trị lớn, phức tạp và có thể cần sự tham gia của nhiều đơn vị với hình thức độc lập, thầu phụ, liên danh hoặc tổng thầu. Việc đàm phán, ký kết các hợp đồng giao, nhận thầu xây lắp thường kéo dài và có sự tham gia của nhiều bên.

Đối với một số hợp đồng cần có sự chấp thuận của Đại hội cổ đông, nếu tổ chức đại hội hoặc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua sẽ mất rất nhiều thời gian và thủ tục, thậm chí không thể thông qua do tỷ lệ gửi lại phiếu lấy ý kiến quá ít. Để chủ động, kịp thời và không bỏ lỡ các cơ hội tìm kiếm việc làm, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch về giao, nhận thầu xây lắp giữa Công ty với các đối tượng quy định tại Điều 162.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% trở lên tổng tài sản của công ty trong báo cáo tài chính gần nhất:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Trần Tuấn Linh

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 525SD10/HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Để phù hợp với Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 6/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống nghành kinh tế Việt Nam, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi mã nghành tại Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty về lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Trần Tuấn Linh

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Tờ trình số 525 /SĐ10-HĐQT ngày 21 / 5 /2019 của Hội đồng quản trị Công ty Sông Đà 10)

Nội dung Điều lệ hiện hành				Sửa đổi
TT	**Mã ngành cũ**	**Tên ngành cũ**	**Mã ngành mới**	**Tên ngành mới**
1	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Chi tiết: thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm.	429	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: - Xây dựng công trình công nghiệp không phải nhà như: Nhà máy lọc dầu, nhà máy hóa chất; - Xây dựng công trình thủy như: Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống,...; Đập và đê; - Xây dựng đường hầm; - Xây dựng công trình khác không phải là nhà như: công trình thể thao ngoài trời.
2	4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Chi tiết: - Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ; - Xây dựng đường sắt và đường ngầm	421 4211-42110 4212-42120 4221-42210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường sắt: Xây dựng đường sắt, xây dựng hầm đường sắt, xây dựng đường tàu điện ngầm, ... Xây dựng công trình đường bộ: Xây dựng đường cao tốc , đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ; Xây dựng hầm đường bộ; Xây dựng đường cho tàu điện ngầm Xây dựng công trình điện: Xây dựng nhà máy điện
3	4312	Chuẩn bị mặt bằng - Làm sạch mặt bằng xây dựng - Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn; - Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý;	4312-43120	Chuẩn bị mặt bằng - Làm sạch mặt bằng xây dựng - Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, đào móng, vận chuyển đá, nổ mìn; - Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự;

4	0710	Khai thác quặng sắt: Chi tiết: - Các hoạt động khai thác mỏ quặng chiếm giá trị lớn về hàm lượng sắt - Các hoạt động làm giàu và thu gom quặng chứa sắt	071-0710-07100	Khai thác quặng sắt - Các hoạt động khai thác mỏ quặng chiếm giá trị lớn về hàm lượng sắt - Các hoạt động làm giàu và thu gom quặng chứa sắt
5	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	081-0810 08101 08102	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Khai thác đá Khai thác cát, sỏi
6	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng	251 2511-25110	Sản xuất các cấu kiện kim loại - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng - Sản xuất khung kim loại công nghiệp - Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại
7	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592-25920	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
8	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312-33120	Sửa chữa máy móc, thiết bị
9	3510	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm	351 3511 3512	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Sản xuất điện Truyền tải và phân phối điện
10	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	453-4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
11	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong khai thác than đá, quặng, khai thác dầu khí như máy khoan, máy nghiền sàng, máy nén.	4659 4659-46591	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong khai thác han đá, quặng, khai thác dầu khí như máy khoan, máy nghiền sàng, máy nén…
12	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

		trong xây dựng Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng như cát, sỏi	4663-46633	Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi: Bán buôn đá, cát, sỏi; bán buôn vật liệu xây dựng khác.
13	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết: Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án có liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông	711-7110 7110-71101	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án có liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông
14	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển	773-7730 7730-77302	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 526 SD10/HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT và 01 thành viên Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10;

Căn cứ vào đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của ông Hoàng Ngọc Tú và đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát của ông Phạm Hoàng Thái;

Căn cứ vào Quyết định số 186/TCT-HĐQT ngày 11/9/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà về việc công tác cán bộ của Công ty CP Sông Đà 10.

Căn cứ vào Văn bản số 84 /TCT-HĐQT ngày 2/5/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà về công tác cán bộ của Công ty CP Sông Đà 10.

Do một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát xin từ nhiệm, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét việc miễn nhiệm và bầu thay thế như sau:

1. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a) Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2021 đối với ông ***Hoàng Ngọc Tú*** (đại diện vốn của Tổng công ty Sông Đà).

- Lý do: cá nhân có đơn xin từ nhiệm do chuyển công tác khỏi Công ty và để tập trung đảm nhận nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Đà.

b) Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách

- Số lượng cần bầu: 01 người.
- Thời hạn: thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2021.
- Danh sách ứng viên:

+ Ông **Bùi Xuân Thi** (TCT Sông Đà đề cử).

Sinh năm: 1972.

Nghề nghiệp: Thạc sỹ thông gió cấp nhiệt.

2. Miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát

a) Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021 đối với ông ***Phạm Hoàng Thái***.

- Lý do: cá nhân có đơn xin từ nhiệm do chuyển công tác khỏi Công ty.

b) Bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cần bầu bổ sung: 01 người.
- Thời hạn: thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2021.
- Danh sách ứng viên:

+ Ông Nguyễn Văn Thanh (TCT Sông Đà đề cử).

Sinh năm: 1978.

Nghề nghiệp: Cử nhân Luật Kinh doanh, Cử nhân Kế toán.

(có cam kết và quá trình công tác của các ứng viên kèm theo)

Việc bầu cử được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
-Như trên
-Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Trần Tuấn Linh

Ghi chú : Tờ trình này sẽ được sửa đổi, bổ sung trước khi trình Đại hội đồng cổ đông nếu như có thêm các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, ứng viên thành viên Ban kiểm soát do các cổ đông, nhóm cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử theo quy định.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CAM KẾT CỦA ỨNG VIÊN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tôi là: BÙI XUÂN THI

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 01-08-1972
- Số CMND: 042072000062 Ngày cấp: 29/03/2016 Nơi cấp: Hà Nội
- Quê quán: Thị trấn Đức Thọ - Hà Tĩnh
- Hộ khẩu thường trú: 1602- Tòa 17T3- khu Tổ hợp Hapulico Complex, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- Chỗ ở hiện nay: 1602- Tòa 17T3- khu Tổ hợp Hapulico Complex, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- Chức vụ hiện tại: Thực hiện ủy quyền nhiệm vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10 do Ông Hoàng Ngọc Tú ủy quyền.
- Số lượng cổ phần (SDT) sở hữu: 6.000.000 Cổ phiếu, tương dương 14,04% vốn điều lệ.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Thông gió, cấp nhiệt.
- Trình độ chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ 05/1996 đến 09/2003	- Công tác tại Phòng Kinh tế- Kỹ thuật Tổng công ty lắp máy Việt nam và giám sát kỹ thuật tại Dự án Ashahi-Pentax Sài Đồng; - Tham gia Tổ dự án Nhà máy nhiệt điện Dung Quất..
Từ 10/2003 đến 12/2004	Trưởng Bộ phận quản lý các Dự án EPC, Phòng Kinh tế kỹ thuật- Tổng công ty Lắp máy Việt nam (Lilama)
Từ 12/2004 đến 01/2006	Phó Trưởng Phòng Kinh tế kỹ thuật- Tổng công ty Lắp máy Việt nam (Lilama)
Từ 01/2006 đến 01/05/2009	Phó trưởng ban thường trực Ban QLDA Nhiệt điện Vũng Áng 1 (giai đoạn Lilama làm Chủ đầu tư).

Thời gian công tác	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ 01/05/2009 đến 05/12/2010	- Phó Giám đốc thường trực Ban Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 1 (giai đoạn Lilama làm Tổng thầu EPC). - Bí thư Chi bộ 15 – trực thuộc Đảng bộ TCT lắp máy Việt nam (giai đoạn 2006-2010)
Từ 5/12/2010 đến 08/2011	Giám đốc Ban QLDA Nhà cao tầng Lilama tại Quận 9 – Tp. Hồ Chí Minh.
Từ 08/2011 - đến 02/2012	Quản lý các vấn đề Đầu tư tại TCT lắp máy Lilama (Phó phòng)
Từ 03/2012 đến 01/04/2015	Phó Giám đốc Ban điện hạt nhân – Tập đoàn Sông Đà (Nay là Tổng công ty Sông Đà – CTCP)
Từ 01/04/2015 - đến 10/10/2018	Phó Giám đốc Ban Kinh tế - Tổng công ty Sông Đà (Nay là Tổng công ty Sông Đà – CTCP).
Từ 10/10/2019 - đến nay	Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Sông Đà – CTCP tại Công ty CP Sông Đà 10 (nắm giữ 14,04% vốn điều lệ).

- Tên các công ty đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và chức danh quản lí khác: không.

- Các lợi ích liên quan tới công ty: *không có.*

Tôi được đề cử để bầu làm thành viên HIội đồng quản trị của Công ty CP Sông Đà 10 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Tôi xin cam doan về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân nêu trên. Tôi cũng xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách nhiệt tâm, trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2019

ỨNG VIÊN - NGƯỜI CAM KẾT

Bùi Xuân Thi

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CAM KẾT CỦA ỨNG VIÊN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Tôi là: **Nguyễn Văn Thanh.**

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 22 - 07 - 1978
- Số CCCD: Ngày cấp: 29/03/2016 Nơi cấp: Hà Nội
- Quê quán: Hải Phương - Hải Hậu – Nam Định.
- Hộ khẩu thường trú: số 68/61 đường Phùng Chí Kiên, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Chỗ ở hiện nay: Di Trạch – Hoài Đức – Hà Nội.
- Chức vụ hiện tại: Phó phòng TC-NS, Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty CP Sông Đà 10.
- Số lượng cổ phần (SDT) sở hữu: 0 cổ phiếu.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật kinh doanh và Cử nhân kế toán.
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức danh, chức vụ, đơn vị, nơi công tác
Từ 2/2001 đến 03/2003	Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 (Đà Nẵng).
Từ 3/2003 đến 11/2011	Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP Sông Đà 10 (Hà Nội).
Từ 11/2011 đến nay	Phó phòng TC – NS, Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty CP Sông Đà 10 (Hà Nội).

- Tên các công ty đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và chức danh quản lí khác: không.
- Các lợi ích liên quan tới công ty: *không có*.

Tôi được đề cử để bầu làm thành viên Ban kiểm soát của Công ty CP Sông Đà 10 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Tôi xin cam đoan về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân nêu trên. Tôi cũng xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2019
ỨNG VIÊN - NGƯỜI CAM KẾT

Nguyễn Văn Thanh

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NQ-ĐH

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

NGHỊ QUYẾT (DỰ THẢO)
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào Biên bản họp số 01/BB-ĐH ngày ...../...../2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2019.

Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	7.637.270.672
2	LNST năm 2018 của công ty mẹ	32.698.944.300
3	LNST năm 2018 chưa phân phối trên báo cáo hợp nhất	14.812.027.772
4	Lợi nhuận phân phối năm 2018 (1+3)	22.449.298.444
5	Thù lao của Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành SXKD tại đơn vị	48.000.000
6	Trích lập các quỹ	3.200.000.000
-	*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*	*3.200.000.000*
7	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2018	17.092.924.400
8	Vốn điều lệ	427.323.110.000
9	Tỷ lệ chia trả cổ tức bằng tiền	4%
10	Lợi nhuận để lại (1+2-5-6-7)	19.995.290.572

Điều 6. Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thông qua việc chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019:

1. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018

- Tổng tiền lương, thù lao được phép chi: 1.376.000.000 đồng.

+ Lương Chủ tịch HĐQT: 45.000.000 đồng/tháng.

+ Lương Phó Chủ tịch HĐQT: 38.000.000 đồng/tháng.

+ Lương Trưởng Ban kiểm soát: 23.000.000 đồng/tháng.

+ Thù lao Thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng.

- Số đã chi trả: 519.200.000 đồng.

- Số chưa chi: 856.800.000 đồng.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2019

Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Lương (đồng/tháng)	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	45.000.000	
2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		9.000.000
3	Phó chủ tịch HĐQT chuyên trách	38.000.000	
4	Phó Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		7.000.000
5	Thành viên HĐQT chuyên trách	32.000.000	
6	Thành viên HĐQT không chuyên trách		6.000.000
7	Trưởng Ban kiểm soát	23.000.000	
8	Thành viên Ban kiểm soát		4.000.000

- Tiền lương, thù lao được quyết toán theo quy định của Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tạm ứng tiền lương: Chủ tịch HĐQT: 30.000.000 đồng/tháng; Phó Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT chuyên trách: 25.000.000 đồng/tháng; Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 20.000.000 đồng/tháng; Tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được tạm ứng hằng quý bằng 70% kế hoạch. Tiền lương, thù lao được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2019.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam.

- Phí kiểm toán: **160.000.000** đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).

Điều 8. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch về giao, nhận thầu xây lắp giữa Công ty với các đối tượng quy định tại Điều 162.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% trở lên tổng tài sản của công ty trong báo cáo tài chính gần nhất:

- Cổ đông, người dại diện ủy quyền của cổ dông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người liên quan của họ;

- Thành viên Hội dồng quản trị, Tổng giám dốc và người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty

Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo.

Điều 10. Miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS

1. Miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị.

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên HIội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2021 dối với ông ***Hoàng Ngọc Tú*** (đại diện vốn của Tổng công ty Sông Đà).

Lý do: cá nhân có đơn xin từ nhiệm do chuyển công tác khỏi Công ty và để tập trung đảm nhận nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Dà.

- Ông ***Bùi Xuân Thi*** (dại diện vốn của Tổng công ty Sông Đà) trúng cử làm thành viên Hội dồng quản trị. Thời hạn: thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2021.

2. Miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát.

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021 đối với ông ***Phạm Hoàng Thái.***

Lý do: cá nhân có đơn xin từ nhiệm do chuyển công tác khỏi Công ty.

- Ông …… trúng cử làm thành viên Ban kiểm soát. Thời hạn: thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2021.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:
- Như Điều 11;
- Các Phó TGĐ, các phòng/ban, các đơn vị trực thuộc, Đảng ủy, Công đoàn;
- Website Công ty;
- UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu TCNS.

T/M. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Tuấn Linh

PHỤ LỤC SỐ 01
(kèm theo Nghị quyết ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP Sông Đà 10)

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
A	**Kế hoạch SXKD**			
I	**Tổng giá trị SXKD**	10^6 đồng	1.408.614	1.057.000
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10^6 đồng	1.379.254	1.037.000
2	Giá trị kinh doanh ngoài xây lắp	10^6 đồng	29.360	20.000
II	**Kế hoạch tài chính**	10^6 đồng		
1	Doanh thu	10^6 đồng	1.483.396	1.015.900
2	Nộp nhà nước	10^6 đồng	57.342	43.780
3	Lợi nhuận trước thuế	10^6 đồng	40.858	35.290
4	Lợi nhuận sau thuế	10^6 đồng	32.699	28.230
5	Tỷ suất lợi nhuận	%		
-	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/DT)	%	2,8	3,5
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	7,7	6,6
-	Lợi nhuận sau thuế/VCSH BQ	%	3,9	3,5
6	Vốn chủ sở hữu	10^6 đồng	832.105	812.393
7	Vốn điều lệ	10^6 đồng	427.324	427.324
8	Cổ tức	%		6%
III	**Khối lượng chủ yếu**			
-	Khoan nổ đá hở	m3	278.515	168.456
-	Khoan nổ đá hầm	m3	309.747	134.582
-	Khoan neo các loại	md	96.636	49.546
-	SXLĐ cốt thép các loại	tấn	2.599	1.080
-	Bê tông các loại	m3	55.424	11.390
-	Phun XM các loại	md	70.828	9.865
-	Khoan phun vẩy các loại	m2	119.134	50.679
-	Sản lượng điện kinh doanh	kwh		
B	**Kế hoạch đầu tư**	10^6 đồng	**61.760**	**337.000**
-	Đầu tư thiết bị thi công	10^9 đồng	23,99	285,46
-	Góp vốn vào Dự án La Sơn – Túy Loan	10^9 đồng	37,77	51,53

2. Mục tiêu tiến độ các công trình theo hợp đồng năm 2019

- Thủy điện Nam Theun1:

+ Hầm LG1: Kết thúc đổ bê tông vào 10/3/2019, đạt 138md.

+ Hầm LG2: Kết thúc đổ bê tông vào 14/5/2019, đạt 97md.

+ Hầm LAG3: Kết thúc đổ bê tông vào 30/8/2019, đạt 151md.

+ Hầm LG3: Kết thúc đổ bê tông vào 6/6/2019, đạt 151md.

+ Hầm RAG1: Kết thúc đổ bê tông vào 14/10/2019, đạt 210md.

+ Hầm RG1: Kết thúc đổ bê tông vào 23/6/2019, đạt 125md.

+ Hầm RG2: Kết thúc đổ bê tông vào 21/10/2019, đạt 103md.

+ Hầm RG3: Kết thúc đổ bê tông vào 21/11/2019, đạt 103md.

- Thủy điện Xekaman 3: Thi công các hạng mục công trình theo tiến độ và các điều kiện đảm bảo hợp đồng của Chủ đầu tư.

- Các công trình Thượng KonTum, Nam Emoun, Đắc Mi 2: Thi công các hạng mục đảm bảo tiến độ đã ký với chủ đầu tư.

CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH, CÔNG VIỆC
(kèm theo Phụ lục số 01 - Kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty CP Sông Đà 10)

TT	Tên công trình và nội dung công việc	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
	Công ty mẹ	**10^3 đồng**	**1.408.613.630**	**1.057.000.000**
I	**Giá trị xây lắp**	**10^3 đồng**	**1.379.253.630**	**1.037.000.000**
*	Các công trình đã có hợp đồng	10^3 đồng	1.379.253.630	737.000.000
1	Hầm Mũi Trâu	10^3 đồng	256.998.389	2.021.553
2	Thủy điện Thượng KonTum	10^3 đồng	225.343.480	24.059.232
3	Thủy điện Namtheun Lào	10^3 đồng	224.033.000	60.919.215
4	Thủy điện Xekaman 3	10^3 đồng	126.978.853	190.000.000
5	Thủy điện Nậm Emun	10^3 đồng		300.000.000
6	Thủy điện Đăk Mi 2	10^3 đồng		160.000.000
*	Các công trình dự kiến đấu thầu	10^3 đồng		300.000.000
	Các công trình chưa có HĐ như Sekaman 3 và Đăk mi 2; Các công trình dự kiến tìm kiếm trong năm (Yaly mở rộng, Hòa Bình mở rộng)	10^3 đồng		300.000.000
II	**Giá trị ngoài xây lắp**	**10^3 đồng**	**29.360.000**	**20.000.000**

PHỤ LỤC SỐ 02

(kèm theo Nghị quyết ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP Sông Đà 10)

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Nội dung Điều lệ hiện hành		Sửa đổi	
Mã ngành cũ	**Tên ngành cũ**	**Mã ngành mới**	**Tên ngành mới**
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Chi tiết: thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm.	429	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: - Xây dựng công trình công nghiệp không phải nhà như: Nhà máy lọc dầu, nhà máy hóa chất; - Xây dựng công trình thủy như: Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống,...; Đập và đê; - Xây dựng đường hầm; - Xây dựng công trình khác không phải là nhà như: công trình thể thao ngoài trời.
4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Chi tiết: - Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ; - Xây dựng đường sắt và đường ngầm	421 4211-42110 4212-42120 4221-42210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường sắt: Xây dựng đường sắt, xây dựng hầm đường sắt, xây dựng đường tàu điện ngầm, ... Xây dựng công trình đường bộ: Xây dựng đường cao tốc , đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ; Xây dựng hầm đường bộ; Xây dựng đường cho tàu điện ngầm Xây dựng công trình điện: Xây dựng nhà máy điện
4312	Chuẩn bị mặt bằng - Làm sạch mặt bằng xây dựng - Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại	4312-43120	Chuẩn bị mặt bằng - Làm sạch mặt bằng xây dựng - Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt

	các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn; - Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý;		bằng xây dựng, đào móng, vận chuyển đá, nổ mìn; - Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự;
0710	Khai thác quặng sắt: Chi tiết: - Các hoạt động khai thác mỏ quặng chiếm giá trị lớn về hàm lượng sắt - Các hoạt động làm giàu và thu gom quặng chứa sắt	071-0710-07100	Khai thác quặng sắt - Các hoạt động khai thác mỏ quặng chiếm giá trị lớn về hàm lượng sắt - Các hoạt động làm giàu và thu gom quặng chứa sắt
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	081-0810 08101 08102	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Khai thác đá Khai thác cát, sỏi
2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng	251 2511-25110	Sản xuất các cấu kiện kim loại - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng - Sản xuất khung kim loại công nghiệp - Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592-25920	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312-33120	Sửa chữa máy móc, thiết bị
3510	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm	351 3511 3512	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Sản xuất điện Truyền tải và phân phối điện
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	453-4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659 4659-46591	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng,

	Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong khai thác than đá, quặng, khai thác dầu khí như máy khoan, máy nghiền sàng, máy nén.		xây dựng: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong khai thác han đá, quặng, khai thác dầu khí như máy khoan, máy nghiền sàng, máy nén…
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng như cát, sỏi	4663 4663-46633	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi: Bán buôn đá, cát, sỏi; bán buôn vật liệu xây dựng khác.
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết: Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án có liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông	711-7110 7110-71101	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án có liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển	773-7730 7730-77302	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 527 SĐ10/HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2019

THÔNG BÁO
Về việc danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 159 Luật Doanh nghiệp năm 2014 về việc thông báo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan. Công ty xin thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan của Công ty như sau:

TT	Tên Tổ chức/Cá nhân	Chức vụ/Quan hệ	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là NLQ
I	**Tổ chức**			
1	Tổng công ty Sông Đà	công ty mẹ	HN	2006
2	Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 10.1	công ty con	Gia Lai	2005
3	Công ty cổ phần thủy điện Nậm He	công ty con	Điện Biên	2013
II	**Cá nhân**			
1	Trần Văn Tấn	TV HĐQT kiêm TGĐ	HN	2011
2	Ngô Thị Kim Nhung	Vợ ông Tấn	HN	2011
3	Trần Tuấn Linh	Chủ tịch HĐQT	HN	2006
4	Trần Thị Như Sâm	Mẹ ông Linh	Nam Định	2006
5	Trần Thị Tuyết Nhung	Chị ông Linh	Nam Định	2006
6	Trần Tuấn Dương	Anh ông Linh	Nam Định	2006
7	Đỗ Thị Minh Phương	Vợ ông Linh	HN	2008
8	Phạm Thị Thanh Loan	Trưởng ban kiểm soát	HN	27/4/2016
9	Trần Thị Ngọc	Mẹ bà Loan	HN	27/4/2016
10	Lê Việt Hải	Chồng bà Loan	HN	27/4/2016
11	Lê Đại Hiệp	Con bà Loan	HN	27/4/2016
12	Lê Việt Hải	Con bà Loan	HN	27/4/2016
13	Phạm Bách Quang	Anh trai bà Loan	HN	27/4/2016
14	Phạm Thị Hiếu	Em gái bà Loan	HN	27/4/2016
15	Nguyễn Trung Kiên	Kế toán trưởng	HN	27/4/2016

16	Phạm Thị Nhung	Vợ ông Kiên	HN	27/4/2016
17	Nguyễn Hà Anh	Con ông Kiên	HN	27/4/2016
18	Nguyễn Châu Anh	Con ông Kiên	HN	27/4/2016
19	Lê Mai Hường	KSV	HN	16/4/2013
20	Phạm Hoàng Thái	KSV	HN	27/4/2017
21	Lục Đức Tiến	Phó TGĐ	Hải Dương	2006
22	Hoàng Ngọc Tú	Phó TGĐ	HN	15/1/2016
23	Doãn Bích Thảo	Vợ ông Tú	HN	15/1/2016
24	Nguyễn Thế Bảo	Phó TGĐ	Đà Nẵng	23/11/2017
25	Nguyễn Thị Huyền	Vợ ông Bảo	Đà Nẵng	23/11/2017
16	Nguyễn Thế Dũng	Con ông Bảo	Đà Nẵng	23/11/2017
27	Nguyễn Hà My	Con ông Bảo	Đà Nẵng	23/11/2017
28	Nguyễn Văn Thanh	Thư ký công ty - Người CBTT	HN	2012
29	Nguyễn Xuân Đài	Bố ông Thanh	Nam Định	2012
30	Bùi Thị Oanh	Mẹ ông Thanh	Nam Định	2012
31	Nguyễn Văn Tùng	Em ông Thanh	Nam Định	2012
32	Nguyễn Thị Thảo	Vợ ông Thanh	HN	2012

Lợi ích có liên quan của các cá nhân trên với Công ty: *không có.*

Danh sách trên cũng đã được gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5900189357 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10 - Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Trần Tuấn Linh